

Bản án số: 02/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 08-01-2024

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thái

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Xuân Trường

2. Ông Hồ Văn Sơn;

-Thư ký phiên tòa: Nguyễn Thị Kim Hà- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Tốt- Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 01 năm 2024, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 476/2023/TLST-HNGĐ, ngày 30/10/2023, về: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản chung khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 260/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 21/12/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Huỳnh Thị Thúy L, sinh năm 1994. Có mặt.

Địa chỉ: Số A đường số D, thôn H, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận. Hiện ở tại: Số A đường số D, tổ C, thôn D, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

-Bị đơn: Anh Lương Thế Thanh T, sinh năm 1992. Có mặt

Địa chỉ: Số A đường số D, tổ C, thôn H, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

-Bà **Mai Thị Lệ H**, sinh năm 1970. Có mặt.

Địa chỉ: **Số A đường số D, tổ C, thôn H, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận;**

-Bà **Huỳnh Thị Thúy K**, sinh năm 1989. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: **Số A đường số D, tổ C, thôn H, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận;**

-Ông **Mai Văn T1**, sinh năm 1976. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: **Số A đường số D, thôn H, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận;**

-Bà **Phạm Thị Thanh K1**, sinh năm 1993. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: **Số A N, khu phố Đ, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương;**

-Bà **Võ Thị Diệu K2**, sinh năm 1991. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: **Số B Hồ X, khu phố A, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận;**

-Bà **Mai Thị Hồng T2**, sinh năm 1978. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: **Số B N, xã P, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh;**

-Ông **Lương Thế P**, sinh năm 1966. Có mặt

Địa chỉ: **Số A đường số D, thôn H, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Trong đơn khởi kiện ghi ngày 24/10/2023, cùng tài liệu, chứng cứ kèm theo, trong quá trình hòa giải nguyên đơn **Huỳnh Thị Thúy L** trình bày:* Chị **Huỳnh Thị Thúy L** và anh **Lương Thế Thanh T** tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau và đăng ký kết hôn tại **UBND xã Đ** và năm 2016. Trong cuộc sống vợ chồng không có tiếng nói chung, xung đột về tiền bạc xảy ra thường xuyên, tình cảm vợ chồng không còn, hiện đã sống ly thân. Nay chị **L** yêu cầu ly hôn với anh **T**. Vợ chồng có 01 con chung **Lương Thế Hoàng P1**, sinh ngày 28/2/2017, con hiện đang sống cùng với chị **L**. Nếu ly hôn chị **L** yêu cầu được quyền nuôi con và yêu cầu anh **T** cấp dưỡng mỗi tháng 2.000.000 đồng, kể từ khi

ly hôn cho đến khi con đủ 18 tuổi. Trong đơn khởi kiện chị **L** yêu cầu chia tài sản chung khi ly hôn và phân chia nghĩa vụ trả nợ cho 02 vợ chồng. Tuy nhiên, ngày 11/12/2023 nguyên đơn đã làm đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về tranh chấp tài sản chung khi ly hôn.

Trong quá trình tham gia tố tụng bị đơn anh **Lương Thế Thanh T** trình bày: Về thời gian đăng ký kết hôn và con chung thống nhất như chị **L** đã trình bày. Sau khi kết hôn vợ chồng sống và làm ăn tại Thành phố Hồ Chí Minh; do làm ăn thất bại vì dịch Covid-19, nên chuyển về **Đ** sống. Nguyên nhân dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn là tiền bạc và nợ nần. Mâu thuẫn của vợ chồng không ai có thiện chí khắc phục nên ngày càng trầm trọng. Bản thân anh **T** không muốn ly hôn, nhưng vẫn chấp nhận ly hôn theo yêu cầu của chị **L**. Anh **T** cũng có nguyện vọng nuôi con, nhưng anh vẫn để cho chị **L** nuôi, sẽ tốt cho con hơn. Việc nguyên đơn rút phần tranh chấp về chia tài sản chung, anh **T** không có ý kiến gì.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là những người cho vợ chồng chị **L** và anh **T** vay tiền gồm: bà **Mai Thị Lệ H**, bà **Huỳnh Thị Thúy K**, ông **Mai Văn T1**, bà **Phạm Thị Thanh K1**, bà **Võ Thị Diệu K2**, bà **Mai Thị Hồng T2** đều có đơn yêu cầu Tòa án không giải quyết về nghĩa vụ trả nợ của chị **L** và anh **T**.

-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông **Lương Thế P** trình bày: Sau khi chị **L** và anh **T** kết hôn, ông **P** có chuyển nhượng lô đất giá 100.000.000 đồng cho anh **T**, chị **L** làm nhà ở và ông **P** có cho 02 vợ chồng 50.000.000 đồng. Sau này con của ông **P** làm ăn khó khăn nên ông **P** có vay giùm cho anh **T**, chị **L** số tiền nhưng ông **P** không yêu cầu trả.

-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà **Mai Thị Lệ H** trình bày: Bản thân gia đình tôi có cho vợ chồng 300.000.000 đồng làm nhà, ngoài ra còn cho mượn thêm hơn 130.000.000 đồng. Nay tôi không khởi kiện đòi, nhưng muốn các con làm ăn và trả cho tôi.

Qua xác minh cho thấy vợ chồng chị **L** và anh **T** mâu thuẫn là do nợ nần nhưng không rõ vì sao nợ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận phát biểu ý kiến:

Về thủ tục: Thẩm phán đã thụ lý hồ sơ vụ án đúng thẩm quyền, gửi thông báo cho Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh và các đương sự đúng thời hạn luật định, xác định đúng quan hệ pháp luật đang tranh chấp. Đối với Hội đồng xét xử đã tiến hành xét xử vụ án theo đúng trình tự, thủ tục mà pháp luật tố tụng dân sự đã quy định, Thư ký phiên tòa thực hiện thủ tục tố tụng đúng quy định.

Đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Những người liên quan vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Về nội dung vụ án: Hôn nhân giữa hai bên là hợp pháp. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, hôn nhân không hạnh phúc, nên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Giao con cho nguyên đơn nuôi và bị đơn cấp dưỡng là phù hợp. Về tranh chấp tài sản chung nguyên đơn đã rút yêu cầu, nên đình chỉ. Về nghĩa vụ trả nợ, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không phải xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng Tòa án nhận định như sau:

[1] *Về việc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp:* Căn cứ vào nội dung, yêu cầu tại đơn khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án xác định đây là vụ án: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản chung và nghĩa vụ tài sản theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về thẩm quyền:* Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận theo quy định tại khoản 1, Điều 35 và khoản 1, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Về việc vắng mặt của đương sự:* Một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[4] *Về hôn nhân*: Chị **L** và anh **T** kết hôn với nhau trên tinh thần tự nguyện và đăng ký kết hôn tại **UBND xã Đ, huyện Đ** vào năm 2016. Trong cuộc sống giữa hai vợ chồng thường mâu thuẫn với nhau về chuyện tiền bạc, nợ nần và những vấn đề khác. Hiện hai bên đều đồng ý ly hôn. Do đó, cần chấp nhận ly hôn giữa chị **L** và anh **T**, là phù hợp Điều 55, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[5] *Về tranh chấp nuôi con*: Chị **L** và anh **T** có 01 con chung tên **Lương Thế Hoàng P1**, sinh ngày 28/2/2017, hiện tại do chị **L** nuôi dưỡng. Xét thấy cháu **P1** còn nhỏ, bản thân chị **L** có sức khỏe, thu nhập ổn định, nên giao cho chị **L** nuôi cháu **P1** là phù hợp Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[6].*Về cấp dưỡng*: Chị **L** yêu cầu anh **T** cấp dưỡng cho con mỗi tháng 2.000.000 đồng. Xét thấy mức cấp dưỡng chị **L** yêu cầu là phù hợp và anh **T** cũng thống nhất, nên chấp nhận

[7] *Về tài sản chung*: Nguyên đơn đã có đơn rút yêu cầu khởi kiện về tranh chấp tài sản chung và bị đơn cũng không có ý kiến gì. Đây là sự tự nguyện và không bị ép buộc, nên chấp nhận và đình chỉ giải quyết về quan hệ tranh chấp chia tài sản chung khi ly hôn giữa chị **L** và anh **T**, theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[8].*Về nghĩa vụ tài sản*: Những người cho vợ chồng chị **L**, anh **T** vay tiền đều có đơn yêu cầu Tòa án không phải giải quyết. Riêng ông **Lương Thế P** không có đơn yêu cầu Tòa án không giải quyết, nhưng ông **P** cũng không có đơn khởi kiện yêu cầu độc lập. Do đó nghĩa vụ tài sản của chị **L** và anh **T** đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án này, Hội đồng xét xử không xem xét. Khi nào các đương sự khởi kiện, thì được giải quyết bằng vụ án khác, theo quy định của pháp luật.

[9] *Về án phí*: Nguyên đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Hoàn trả tạm ứng án phí về tranh chấp tài sản chung cho nguyên đơn. Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm về cấp dưỡng.

[10] *Về kháng cáo*: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 27, khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 3 Điều 218, khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 55, Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Tuyên bố: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị **Huỳnh Thị Thúy L** và anh **Lương Thế Thanh T**.

2. Về nuôi con: Giao cho chị **Huỳnh Thị Thúy L** trực tiếp nuôi con: **Lương Thế Hoàng P1**, sinh ngày 28/2/2017. Anh **Lương Thế Thanh T** được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng: Anh **Lương Thế Thanh T** có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con **Lương Thế Hoàng P1**, sinh ngày 28/2/2017 mỗi tháng là 2.000.000 đồng, thời hạn cấp dưỡng tính từ tháng 01/2024 cho đến khi cháu **P1** đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày chị **Huỳnh Thị Thúy L** có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh **Lương Thế Thanh T** chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, thì còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác. Phần cấp dưỡng nuôi con có hiệu lực thi hành ngay mặc dù có thể bị kháng cáo, kháng nghị, khiếu nại, kiến nghị.

4. Về chia tài sản chung: Đình chỉ việc giải quyết về tranh chấp chia tài sản chung khi ly hôn giữa nguyên đơn **Huỳnh Thị Thúy L** và bị đơn **Lương Thế Thanh T**.

5. Về án phí: Chị **Huỳnh Thị Thúy L** phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền 7.500.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0017676 ngày 30/10/2023. Trả lại cho chị **Huỳnh Thị Thúy L** 7.200.000 đồng tiền tạm ứng án phí còn lại. Anh **Lương Thế Thanh T** phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng.

6. Về quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (08/01/2024), các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được hoặc ngày niêm yết bản án, để Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

7. Trường hợp bản án thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

-TAND tỉnh;
-VKSND huyện;
-CCTHADS huyện;
-Đương sự;
-Lưu./

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Thái